

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 12 - 2017
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lâm Thanh Ng, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Tr, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh Ng có mặt, chị Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lâm Thanh Ng trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Ngô Thị Tr tự nguyện chung sống với nhau năm 2000, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay, nay anh nhận thấy

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Lâm Thanh D sinh ngày 22/3/2003 và Lâm Thanh B sinh ngày 20/10/2004, hiện hai cháu do anh Ng đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Ng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Ng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2017, bị đơn chị Ngô Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tr xác định về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như anh Ng trình bày là đúng, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Ng.

Về con chung: Chị Tr thống nhất theo anh Ng trình bày về con chung. Khi ly hôn chị đồng ý giao hai cháu Lâm Thanh D sinh ngày 22/3/2003 và Lâm Thanh B sinh ngày 20/10/2004 cho anh Ng tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tr thống nhất theo anh Ng trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị Tr xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị Tr có đơn từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ngô Thị Tr.

[2] Về hôn nhân: Anh Lâm Thanh Ng với chị Ngô Thị Tr chung sống với nhau năm 2000, anh, chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên hòa giải, anh Ng xác định giữa anh với chị Tr không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr, được chị Tr đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Căn cứ vào khoản 2 Điều

53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Lâm Thanh Ng với chị Ngô Thị Tr là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Lâm Thanh Ng và chị Ngô Thị Tr có 02 người con tên Lâm Thanh D sinh ngày 22/3/2003 và Lâm Thanh B sinh ngày 20/10/2004, hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh Ng, khi ly hôn anh Ng với chị Tr thỏa thuận giao hai cháu Lâm Thanh D và Lâm Thanh B cho anh Ng được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con sau ly hôn của anh Ng và chị Tr là tự nguyện không trái pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu D và B. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai cháu D và B cho anh Ng được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con anh Ng và chị Tr không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh Lâm Thanh Ng và chị Ngô Thị Tr xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Lâm Thanh Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Lâm Thanh Ngn và chị Ngô Thị Tr là vợ chồng.

- Về con chung: Giao hai cháu Lâm Thanh D sinh ngày 22/3/2003 và Lâm Thanh B sinh ngày 20/10/2004 cho anh Lâm Thanh Ng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu D và B đều tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Lâm Thanh Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Ng đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009237 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Trung Trực - Phạm Thị Hà

Tiêu Hồng Phụng

